

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM

THUYẾT MINH

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẾN XE KHÁCH
Sửa đổi 2: 2024 QCVN 45:2012/BGTVT

1. Khái niệm

Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách Sửa đổi 2:2024 QCVN 45:2012/BGTVT là tài liệu buộc thực hiện quy định điều kiện cơ sở vật chất; các yêu cầu trong việc lập quy hoạch, đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý khai thác bến xe khách.

1.1. Mục đích của QCVN

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập quy hoạch, đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý khai thác bến xe khách.

1.2. Ý nghĩa của QCVN

Đối với kinh tế - xã hội và môi trường: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 2 năm 2024 (QCVN 45:2012/BGTVT) hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý bến xe khách trên toàn quốc.

1.3. Tính khả thi của QCVN

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách sửa đổi lần 2 năm 2024 (QCVN 45:2012/BGTVT) là nhu cầu cần thiết đối với công tác quản lý nhà nước đối với bến xe khách.

2. Nội dung chính của Thuyết minh dự thảo QCVN

2.1. Tên QCVN:

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách Sửa đổi 2:2024 QCVN 45:2012/BGTVT.

2.2. Tình hình liên quan tới QCVN

Theo quy định của Luật Giao thông đường bộ 2008, Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 17/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ các bến xe khách trên toàn quốc phải tuân thủ quy chuẩn quốc gia về bến xe khách.

Từ 01/10/2022, Cục ĐBVN được chuyển đổi từ Tổng Cục ĐBVN. Do đó, cần thiết phải sửa đổi tên Cục ĐBVN trong QCVN 45:2012/BGTVT cho phù hợp với Nghị định 56/2022/NĐ-CP.

Tháng 12/2021, tại Hội nghị COP26, Việt Nam đã cùng gần 150 quốc gia cam kết đưa mức phát thải ròng về “0” vào đến năm 2050; đến ngày 22/7/2022 Thủ tướng chính phủ có Quyết định số 876/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải; bên cạnh đó, trong thực tế một số hãng xe buýt, taxi,... đã bắt đầu sử dụng xe điện trong vận tải hành khách. Do đó, việc bổ sung quy định về trạm sạc điện trong phạm vi bến xe khách là yêu cầu bức thiết cần bổ sung ngay.

Điều chỉnh một số nội dung tại Mục 3.2.1, về trách nhiệm của Cục ĐBVN để tránh việc Cục ĐBVN ban hành các hướng dẫn có nội dung mang tính pháp quy; nội dung của Mục 4.1 để làm rõ một số nội dung.

Bãi bỏ điểm c khoản 3.1.4 do nội dung này đã có quy định trách nhiệm của Sở GTVT tại điểm d khoản 3.2.3.

Cập nhật, bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn được dẫn chiếu trong Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

2.3. Tóm tắt nội dung của QCVN

Dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách Sửa đổi lần 2 năm 2024, ngoài phần “Lời nói đầu”, dự thảo bao gồm các nội dung chính như sau:

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẾN XE KHÁCH

Sửa đổi 2:2024

National technical regulations on Bus Station

Admendment No.2:2024

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản

Bổ sung điểm đ khoản 2.2.2 như sau:

2.2.2. Công trình dịch vụ thương mại: Khuyến khích xây dựng

đ) Trạm cấp nhiên liệu, trạm sạc cho xe điện.

2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình

Sửa đổi điểm a khoản 2.3.10 như sau:

a) Bến xe khách được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng và chống cháy, chữa cháy theo đúng quy định tại QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD;

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

Sửa đổi khoản 3.2.1 như sau:

3.2.1. Cục Đường bộ Việt Nam thực hiện xây dựng phần mềm quản lý bến xe khách toàn quốc; tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chuẩn này.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sửa đổi mục 4.1 như sau:

4.1. Cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường - Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn triển khai và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

Thay cụm từ “Tổng cục Đường bộ Việt Nam” bằng cụm từ “Cục Đường bộ Việt Nam” tại: điểm đ khoản 3.1.4, điểm b khoản 3.2.3, điểm h khoản 3.3.2, mục 4.2 và Phụ lục 3.